VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 127/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định khái niệm, nguyên tắc; trình tự, thủ tục; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thực hiện niêm phong, mở niêm phong các loại vật chứng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến niêm phong, mở niêm phong vật chứng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Niêm phong vật chứng là việc bảo đảm tính nguyên vẹn của vật chứng bằng cách:

a) Đưa vật chứng vào trạng thái được bảo vệ an toàn, bao gồm gói, đóng hộp, đưa vào thùng, chai, lọ và các hình thức khác (gọi là đóng gói, đóng kín) và dán giấy niêm phong đè lên những phần có thể mở để lấy, đổi vật chứng hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của vật chứng;

b) Đối với vật chứng có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được thì dán giấy niêm phong lên từng phần hoặc trên những bộ phận quan trọng của vật chứng;

c) Đối với một số loại vật chứng có thể sử dụng khóa, kẹp dây chì, dây thép và các hình thức khác để bao bọc vật chứng sau đó dán giấy niêm phong.

2. Mở niêm phong vật chứng là gỡ giấy niêm phong và mở đóng gói hoặc đóng kín vật chứng đối với vật chứng được đóng gói hoặc đóng kín; gỡ giấy niêm phong đối với vật chứng không đóng gói hoặc không đóng kín hoặc không di chuyển được.

3. Giấy niêm phong là giấy có tính bền vững cao, trên đó ghi tên cơ quan chủ trì tổ chức niêm phong vật chứng, họ tên, chữ ký hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của những người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng, người tham gia niêm phong vật chứng, thời gian niêm phong vật chứng và đóng dấu của cơ quan chức năng.

4. Người tổ chức thực hiện niêm phong, mở niêm phong vật chứng là người được cơ quan, người có thẩm quyền giao tiến hành tố tụng hình sự, thi hành án.

Điều 4. Nguyên tắc niêm phong, mở niêm phong vật chứng

1. Chỉ thực hiện niêm phong, mở niêm phong vật chứng khi có yêu cầu phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

2. Bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, hình thức, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy định của Nghị định này.

3. Bảo đảm nhanh chóng, kịp thời; bảo đảm tôn trọng lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Bảo đảm tính nguyên vẹn của vật chứng.

Điều 5. Vật chứng cần niêm phong và vật chứng không cần niêm phong

Mọi vật chứng sau khi thu thập phải được niêm phong, trừ các trường hợp sau:

1. Vật chứng là động vật, thực vật sống.

2. Vật chứng là tài liệu được đưa vào hồ sơ vụ án.

3. Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản.

4. Những vật chứng khác mà cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xét thấy không cần thiết phải niêm phong.

Điều 6. Người tổ chức thực hiện niêm phong, mở niêm phong vật chứng

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra, điều tra viên.

2. Cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

3. Người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đang thụ lý vụ án trong giai đoạn truy tố, xét xử, thi hành án.

Điều 7. Người tham gia niêm phong, mở niêm phong vật chứng

1. Người tham gia niêm phong vật chứng:

a) Người chứng kiến hoặc đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi thực hiện niêm phong vật chứng;

b) Người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong (nếu có);

c) Người bào chữa (nếu có).

2. Người tham gia mở niêm phong vật chứng:

a) Người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong (nếu có);

b) Người bào chữa (nếu xét thấy cần thiết);

c) Đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi mở niêm phong vật chứng (trong trường hợp cần thiết);

d) Đại diện cơ quan quản lý vật chứng được niêm phong trong những trường hợp vật chứng được bảo quản tại các cơ quan chuyên môn.

Chương II
NIÊM PHONG VẬT CHỨNG

Điều 8. Trình tự, thủ tục niêm phong vật chứng

Một vật chứng có thể thực hiện niêm phong, mở niêm phong một hoặc nhiều lần. Sau mỗi lần mở niêm phong, khi kết thúc sử dụng vật chứng phải niêm phong lại theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Nghị định này và gửi về nơi bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật. Việc niêm phong vật chứng được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

1. Chuẩn bị thực hiện niêm phong vật chứng

a) Người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng mời hoặc triệu tập người tham gia niêm phong vật chứng;

Trong trường hợp người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong bị mất năng lực hành vi theo quy định của pháp luật hoặc đã chết, thì người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng mời người thân thích hoặc người đại diện hợp pháp của họ tham gia niêm phong vật chứng;

Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng cần niêm phong là bị can, bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam thì khi niêm phong, người tổ chức thực hiện niêm phong mời người thân thích của họ hoặc người bào chữa của họ (nếu có) hoặc đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tổ chức niêm phong vật chứng chứng kiến.

Đối với vật chứng cần điều kiện bảo quản đặc biệt như chất độc, chất phóng xạ, chất nổ, chất cháy, vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng độc hại, mẫu máu, mô, bộ phận cơ thể người và các mẫu vật khác của cơ thể người hoặc vật chứng khác có tính chất tương tự phải có sự tham gia của cơ quan chuyên môn khi thực

hiện niêm phong vật chứng. Trường hợp cơ quan chuyên môn chưa đến kịp mà xét thấy cần phải niêm phong ngay để bảo đảm tính nguyên vẹn của vật chứng thì vẫn có thể thực hiện niêm phong vật chứng nhưng phải bảo đảm an toàn.

Đối với vật chứng không thể niêm phong được tại hiện trường, thì phải niêm phong từng phần hoặc những phần quan trọng, sau đó đưa về địa điểm do cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ án quyết định để tiến hành niêm phong theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này.

b) Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để niêm phong vật chứng.

Người chủ trì tổ chức niêm phong vật chứng phải chỉ đạo chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc niêm phong, dán giấy niêm phong, bảo quản, di chuyển vật chứng.

2. Thực hiện niêm phong vật chứng

a) Kiểm tra vật chứng cần niêm phong để mô tả cụ thể, đầy đủ, chính xác thực trạng của vật chứng vào biên bản niêm phong vật chứng;

b) Đóng gói hoặc đóng kín vật chứng cần niêm phong (trường hợp vật chứng đóng gói hoặc đóng kín được.

c) Những người tổ chức thực hiện niêm phong, tham gia niêm phong vật chứng ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) vào giấy niêm phong (viết hoặc điểm chỉ rõ ràng bằng mực khó phai);

d) Đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng hoặc của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng vào giấy niêm phong;

đ) Dán giấy niêm phong;

Đối với vật chứng đóng gói hoặc đóng kín, giấy niêm phong phải dán đè lên những phần có thể mở được để lấy vật chứng hoặc có thể tác động làm thay đổi tính nguyên vẹn của vật chứng;

Đối với vật chứng có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được, giấy niêm phong phải dán đè lên những phần quan trọng có tính xác định nguồn gốc, xuất xứ, đặc trưng của vật chứng và những phần ghép, nối của vật chứng;

Tùy từng trường hợp cụ thể, phải có hình thức bảo vệ giấy niêm phong cho phù hợp với điều kiện vận chuyển và bảo quản.

e) Kiểm tra niêm phong của vật chứng (giấy niêm phong phải đảm bảo không bị rách, biến dạng; không bị mất, biến dạng các thông tin ghi trên giấy niêm phong).

3. Kết thúc niêm phong vật chứng

Lập biên bản niêm phong vật chứng. Biên bản phải mô tả đúng thực trạng của vật chứng trước và sau khi niêm phong, có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên người điểm chỉ) của những người tổ chức thực hiện, tham gia niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật và quy định của Nghị định này. Biên bản được lập, đưa vào hồ sơ vụ án và giao 01 bản cho người, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong.

Trong trường hợp người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong, người bào chữa không ký vào biên bản niêm phong, giấy niêm phong, thì người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng phải lập biên bản ghi rõ lý do với sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi thực hiện niêm phong vật chứng.

Trong những trường hợp: Người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong (hoặc người thân thích, đại diện hợp pháp của họ), người bào chữa không có mặt hoặc không đến, không có lý do chính đáng theo yêu cầu của cơ quan, người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng; vật chứng không có chủ sở hữu hoặc chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì phải lập biên bản, ghi rõ lý do và yêu cầu những người tham gia niêm phong ký vào biên bản.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng

1. Chủ trì thực hiện niêm phong vật chứng.

2. Mời, triệu tập người tham gia niêm phong vật chứng.

3. Kiểm tra vật chứng cần niêm phong.

4. Chuẩn bị điều kiện cần thiết để niêm phong vật chứng.

5. Ký, ghi rõ họ tên vào giấy niêm phong; chú thích họ tên người điểm chỉ (nếu có) vào giấy niêm phong.

6. Đóng gói hoặc đóng kín vật chứng (đối với vật chứng đóng gói hoặc đóng kín được) và dán giấy niêm phong.

7. Kiểm tra niêm phong của vật chứng.

8. Ký, ghi rõ họ tên vào biên bản niêm phong vật chứng; chú thích họ tên người điểm chỉ (nếu có) vào biên bản niêm phong vật chứng.

Điều 10. Trách nhiệm của người tham gia niêm phong vật chứng

1. Có mặt tham gia niêm phong vật chứng khi có yêu cầu của người tổ chức thực hiện niêm phong vật chứng.

2. Chứng kiến quá trình niêm phong vật chứng.

3. Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ vào giấy niêm phong vật chứng.

4. Tham gia kiểm tra niêm phong của vật chứng.

5. Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ vào biên bản niêm phong vật chứng.

Chương III
MỞ NIÊM PHONG VẬT CHỨNG

Điều 11. Trình tự, thủ tục mở niêm phong vật chứng

1. Chuẩn bị mở niêm phong vật chứng

a) Người chủ trì tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng mời, triệu tập người tham gia mở niêm phong vật chứng có mặt đúng thời gian, địa điểm được mời, triệu tập để mở niêm phong vật chứng.

Trong trường hợp người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến việc mở niêm phong vật chứng bị mất năng lực hành vi theo quy định của pháp luật hoặc đã chết, thì người tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng mời người thân thích hoặc người đại diện hợp pháp của họ tham gia mở niêm phong vật chứng.

Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong là bị can, bị cáo đang bị giam giữ thì khi mở niêm phong, người tổ chức thực hiện mở niêm phong mời người thân thích hoặc người bào chữa của họ (nếu có) hoặc đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tổ chức mở niêm phong vật chứng chứng kiến.

b) Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để mở niêm phong vật chứng: Tiến hành thủ tục xuất kho vật chứng (đối với những vật chứng được quản lý trong kho vật chứng) hoặc thông báo tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đang lưu giữ, bảo quản vật chứng.

2. Thực hiện mở niêm phong vật chứng

a) Kiểm tra niêm phong của vật chứng trước khi mở niêm phong;

b) Gỡ giấy niêm phong và mở đóng gói hoặc đóng kín vật chứng đối với vật chứng được đóng gói hoặc đóng kín;

Gỡ giấy niêm phong đối với vật chứng không được đóng gói hoặc không được đóng kín;

c) Kiểm tra vật chứng sau khi mở niêm phong.

3. Kết thúc mở niêm phong

Khi kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản; biên bản phải mô tả đúng tình trạng niêm phong trước khi mở, thực trạng của vật chứng sau khi mở niêm phong và có đầy đủ chữ ký, họ tên hoặc điểm chỉ (kèm chú thích họ tên của người điểm chỉ) của người tổ chức, người tham gia mở niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật và quy định của Nghị định này. Biên bản do người tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng lập, đưa vào hồ sơ vụ án và giao 01 bản cho người, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong.

Trường hợp kiểm tra niêm phong không còn nguyên vẹn, phải lập biên bản về tình trạng niêm phong của vật chứng, thực trạng của vật chứng để điều tra, làm rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp người liên quan (nếu có); đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong, người bào chữa không ký vào biên bản mở niêm phong vật chứng, thì người tổ chức mở niêm phong vật chứng lập biên bản ghi rõ lý do với sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi mở niêm phong vật chứng.

Trong những trường hợp: Người liên quan; đại diện cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng được niêm phong (hoặc người thân thích, đại diện hợp pháp của họ), người bào chữa không có mặt hoặc không

đến, không có lý do chính đáng theo yêu cầu của cơ quan, người tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng; vật chứng không có chủ sở hữu hoặc chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì phải lập biên bản ghi rõ lý do và yêu cầu những người tham gia mở niêm phong ký vào biên bản.

Trường hợp mở niêm phong phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, sau đó phải niêm phong lại thì thành phần thực hiện niêm phong lại bao gồm: Những người tổ chức, người tham gia niêm phong; người, đại diện cơ quan được giao quản lý vật chứng; người chứng kiến (là đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn, đại diện Viện kiểm sát hoặc người bào chữa của bị can, bị cáo) nếu xét thấy cần thiết.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng

1. Chủ trì việc tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng.

2. Mời, triệu tập người, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan đến vật chứng.

3. Đề nghị và thực hiện thủ tục xuất kho vật chứng; thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Kiểm tra niêm phong trước khi mở niêm phong vật chứng.

5. Mở niêm phong vật chứng.

6. Kiểm tra vật chứng sau khi mở niêm phong.

7. Ký, ghi rõ họ tên vào biên bản mở niêm phong vật chứng; chú thích họ tên của người điểm chỉ (nếu có) vào biên bản mở niêm phong vật chứng.

Điều 13. Trách nhiệm của người tham gia mở niêm phong vật chứng

1. Có mặt tham gia mở niêm phong vật chứng khi có yêu cầu của người tổ chức thực hiện mở niêm phong vật chứng.

2. Chứng kiến quá trình mở niêm phong vật chứng.

3. Tham gia kiểm tra niêm phong vật chứng trước khi mở niêm phong vật chứng.

4. Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ vào biên bản mở niêm phong vật chứng.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an, Bộ Tư pháp phối hợp Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng của cơ quan, người tiến hành tố tụng hình sự của Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm tổ chức, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc